

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

---

Hà Nội, tháng 03 năm 2011

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên từ ngày từ ngày 27/06/2010

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám Tổng đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Hoàng Minh Châu**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011*

Số: / 2011 /VA/BCKT-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**  
**của Công ty Cổ phần Nam Dược**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31/03/2011, từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau ngày 31/12/2010 nên chúng tôi không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này tại ngày 31/12/2010 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, chúng tôi đã không thể thu thập đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra ý kiến về số dư đầu năm và ảnh hưởng của chúng nếu có đến các chỉ tiêu cuối năm của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010.

Tại ngày 31/12/2010, số dư phải thu khách hàng quá hạn phát sinh trước năm 2009 với số tiền 27.390.280.435 VND chưa được Công ty đánh giá khả năng thu hồi công nợ để lập hồ sơ và trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2010 bao gồm khoản phải thu nội bộ với số tiền 712.692.147 VND chưa được xác nhận, phân tích và xử lý nên chưa được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về số dư này tại ngày 31/12/2010 được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu của khách hàng” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tại ngày 31/12/2010, chúng tôi không nhận được thư xác nhận về các khoản công nợ phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán và phải trả cho người bán với số dư lần lượt khoảng 29,5 tỷ VND; 1,6 tỷ VND và 13,3 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số dư này được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu của khách hàng”, “Trả trước cho người bán” và “Phải trả cho người bán” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 cũng như ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 7 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chỉ tiêu “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2010 bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh nhưng chưa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hằng năm với số tiền hơn 14,38 tỷ VND, trong đó chi phí phát sinh trước năm 2010 hơn 11,48 tỷ VND. Ngoài ra, số dư phải thu khác với số tiền 2,09 tỷ VND không xác định được nội dung và đối tượng nợ cũng như khả năng thu hồi. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về các số dư này tại ngày 31/12/2010 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 8 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2010, thành phẩm thuốc, thực phẩm chức năng tồn tại kho biệt trữ của Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược (công ty con) với giá gốc là 5.097.962.573 VND chưa được Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hỏng, kém phẩm chất, hết hạn sử dụng.... trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.10 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty phân bổ chi phí quảng cáo trong thời gian 3 năm thay vì ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh khi phát sinh. Chúng tôi không thực hiện các thủ tục kiểm toán để xác nhận chi phí quảng cáo phát sinh từ trước năm 2010 với số tiền 2.973.817.679 VND được phản ánh tại chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” tại ngày 01/01/2010. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về số dư này tại ngày 01/01/2010 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.2 và 12 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trước ngày 01/01/2010, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào công ty con này được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty theo giá gốc. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến tình hình tài chính của công ty con này cũng như phương án triển khai hoạt động kinh doanh hoặc xử lý tài chính của các chủ sở hữu làm cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư và đánh giá giá trị thuần của khoản đầu tư để làm cơ sở trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tại ngày 31/12/2010. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét và đánh giá về số dư này tại ngày 01/01/2010 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

## **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán (nếu có) nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 18 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản vay dài hạn được hoàn trả trong vòng một năm với số tiền 4.421.400.000 VND được trình bày tại chỉ tiêu “Vay và nợ dài hạn” thay vì cần được trình bày tại chỉ tiêu “Vay và nợ ngắn hạn” theo các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

---

**Trần Quốc Trị**

**Phó Tổng giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0581/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011*

---

**Trần Ngọc Anh**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0487/KTV

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 chuyên đổi sang số 0103039249 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 56,8 tỷ VND, chia thành 5.680.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi.

**Công ty con**

Tại ngày 31/12/2010, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động bao gồm:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Địa chỉ trụ sở</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết /sở hữu</b>	<b>Vốn điều lệ (tỷ VND)</b>
Công ty TNHH MTV Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	140/55 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	1
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	Ngừng hoạt động từ trước năm 2010	51%	1

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Trong năm 2010, hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm:

Công ty Cổ phần Nam Dược:	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH MTV Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược:	Sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do chính Công ty sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam:	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH MTV Nam Dược sản xuất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục cho dù Công ty đã sử dụng hầu như toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và một phần hàng tồn kho luân chuyển để thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn, dài hạn của ngân hàng phục vụ cho việc đầu tư xây dựng nhà máy và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự thành công của các cuộc thương thảo giữa Ban giám đốc Công ty với các ngân hàng về việc tiếp tục cung cấp các khoản vay cũng như tìm kiếm các nhà đầu tư để có được sự hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn và duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty tin rằng các ngân hàng sẽ tiếp tục cung cấp các khoản vay và sự hỗ trợ tài chính. Báo cáo tài chính này không bao gồm các khoản điều chỉnh cần thiết liên quan tới việc phân loại lại giá trị tài sản, công nợ trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con do công ty mẹ kiểm soát (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập với kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư trọng yếu giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất Báo cáo tài chính khi:

- Quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời vì công ty con này chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Hoạt động của công ty con bị hạn chế trong thời gian dài và điều này ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho công ty mẹ.

Khoản đầu tư vào công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất trong trường hợp nêu trên được trình bày theo phương pháp giá gốc. Theo đó, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc vì Công ty con này đã ngừng hoạt động từ trước năm 2010 và các thành viên đã thỏa thuận về việc thanh lý tài sản trong thời gian tới.

**4.3 Tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2010, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**4.4 Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ 06 tháng đến 9 tháng.

**4.5 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ.

Số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn này không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính hợp nhất, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ.

Việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 có sự khác biệt với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Chênh lệch tỷ giá (VAS10). Nếu xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của VAS10 thì kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2010 của Công ty sẽ giảm đi một khoản là 203.846.927 VND.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2010 là 18.932 VND/USD và 25.953,88 VND/EUR (tại ngày 31/12/2009 là 17.941 VND/USD và 25.723,81 VND/EUR).

Đối với các khoản tiền có gốc ngoại tệ, Công ty đồng thời theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được đánh giá theo chi phí nguyên liệu chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Ngoài ra, quy trình sản xuất, bảo quản, mua và bán các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và dược liệu phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước Việt nam và phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn của các tổ chức thế giới đã được Công ty đăng ký.

**4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	8

**4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí nghiên cứu phát triển, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, chi phí quảng cáo, chi phí hủy thành phẩm do chuyển đổi dây chuyền sản xuất thuốc, công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau: Chi phí quảng cáo, chi phí hủy thành phẩm do chuyển đổi dây chuyền sản xuất thuốc được phân bổ trong vòng 3 năm. Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.

**4.11 Ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả hàng tháng. Chi phí lãi vay phải trả được trích trước dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế trong kỳ.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2010 bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

**4.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có thể thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua; đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**4.14 Ghi nhận chi phí tài chính**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm và lỗ chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền vay và lãi mua hàng trả chậm được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa); Lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2010.

**4.15 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Nam Dược và Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược Phương Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm trước bị lỗ nên lợi nhuận sau thuế năm 2010 được chuyển lỗ theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược là 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2010, là năm thứ năm Công ty có lãi nên được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, năm 2008 là năm bị lỗ 17.284.166.704 VND nên Công ty chuyển lỗ vào các năm 2009 là 2.108.255.871 VND và 2010 là 7.232.547.476 VND.

Theo công văn số 636/QĐ-CT ngày 02/06/2010 của Cục trưởng Cục thuế Nam Định, Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược được miễn tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 91/2005/HĐ-TĐ ngày 05/11/2005 là 11 năm kể từ tháng 9/2003.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra là 5% đối với sản phẩm thuốc và 10% với sản phẩm chức năng. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.16 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ (vợ, chồng).

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 26.

**5. TIỀN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.061.577.626	638.961.184
Tiền gửi ngân hàng	3.852.502.797	1.092.770.554
<b>Cộng</b>	<b>4.914.080.423</b>	<b>1.731.731.738</b>

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Số dư đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ 06 tháng đến 9 tháng.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí chưa có chứng từ hợp lệ	14.385.305.395	12.633.013.258
Các khoản chi chưa xác định được nội dung và đối tượng	2.094.235.936	2.094.235.936
Khác	356.063.697	1.398.184.532
<b>Cộng</b>	<b>16.835.605.028</b>	<b>16.125.433.726</b>

**8. CÁC KHOẢN THUẾ VÀ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	289.161.835	298.419.438
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	61.243	-
<b>Cộng</b>	<b>289.223.078</b>	<b>298.419.438</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	14.229.913	-
Tạm ứng	195.891.607	326.189.399
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	12.103.750
<b>Cộng</b>	<b>210.121.520</b>	<b>338.293.149</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
4.1	4.2	4.3
	4.4	
Hàng mua đang đi trên đường	2.175.281.957	2.691.465.156
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	29.824.113.867	20.604.535.014
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.262.589.506	3.075.812.866
Thành phẩm tồn kho	10.406.661.990	11.082.772.246
Hàng hoá tồn kho	2.336.810.767	1.826.164.966
Hàng gửi đi bán	-	575.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(687.641.320)	-
<b>Cộng</b>	<b>48.317.816.767</b>	<b>39.281.325.642</b>

Tại ngày 31/12/2010, thành phẩm thuốc, thực phẩm chức năng tồn tại kho biệt trữ của Công ty Một thành viên TNHH Nam Dược với giá gốc là 5.097.962.573 VND chưa được Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hỏng, kém phẩm chất, hết hạn sử dụng.... trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Một phần hàng tồn kho luân chuyển được dùng để thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là chi phí san lấp mặt bằng 10.000 m<sup>2</sup> đất thuê 49 năm kể từ ngày 24/09/2003 tại lô M13 (C4-9), khu Công nghiệp Hòa Xá, Nam Định, được khấu hao với thời gian 10 năm.

Tài sản cố định vô hình được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định.

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược. Công ty đã cam kết góp 510 triệu VND tương ứng 51.000 cổ phần, chiếm 51% quyền biểu quyết để thành lập Công ty này. Trước ngày 01/01/2010, Công ty đã thực hiện góp 50% số vốn theo cam kết và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	296.853.705	572.727.876
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.878.019.267	4.185.135.550
<b>Cộng</b>	<b>2.174.872.972</b>	<b>4.757.863.426</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>14.343.335.610</b>	<b>45.124.351.564</b>	<b>2.308.919.327</b>	<b>742.259.092</b>	<b>3.371.281.371</b>	<b>65.890.146.964</b>
Tăng trong năm	-	133.938.500	300.246.364	80.167.272	53.129.091	567.481.227
Mua trong năm	-	29.535.000	300.246.364	80.167.272	53.129.091	463.077.727
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	104.403.500	-	-	-	104.403.500
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>51.196.782</b>	<b>-</b>	<b>40.998.971</b>	<b>-</b>	<b>92.195.753</b>
Giảm khác	-	51.196.782	-	40.998.971	-	92.195.753
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>14.343.335.610</b>	<b>45.207.093.282</b>	<b>2.609.165.691</b>	<b>781.427.393</b>	<b>3.424.410.462</b>	<b>66.365.432.438</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Cầm cố, thế chấp</i>	<i>14.004.836.865</i>	<i>42.991.412.641</i>	<i>300.246.364</i>	<i>-</i>	<i>3.371.281.371</i>	<i>60.667.777.241</i>
<i>Hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng</i>	<i>122.466.657</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>62.197.095</i>	<i>-</i>	<i>184.663.752</i>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>2.788.992.865</b>	<b>17.085.441.426</b>	<b>1.335.322.392</b>	<b>330.557.069</b>	<b>1.264.230.506</b>	<b>22.804.544.258</b>
Tăng trong năm	910.623.972	5.737.300.831	388.989.988	111.545.284	425.791.154	7.574.251.229
Khấu hao trong năm	910.623.972	5.737.300.831	388.989.988	111.545.284	425.791.154	7.574.251.229
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>69.732.133</b>	<b>-</b>	<b>54.433.083</b>	<b>-</b>	<b>124.165.216</b>
Giảm khác	-	69.732.133	-	54.433.083	-	124.165.216
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>3.699.616.837</b>	<b>22.753.010.124</b>	<b>1.724.312.380</b>	<b>387.669.270</b>	<b>1.690.021.660</b>	<b>30.254.630.271</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>11.554.342.747</b>	<b>28.038.910.138</b>	<b>973.596.935</b>	<b>411.702.023</b>	<b>2.107.050.864</b>	<b>43.085.602.706</b>
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>10.643.718.773</b>	<b>22.454.083.158</b>	<b>884.853.311</b>	<b>393.758.123</b>	<b>1.734.388.802</b>	<b>36.110.802.167</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Cầm cố, thế chấp</i>	<i>10.544.470.343</i>	<i>21.777.389.385</i>	<i>296.076.276</i>	<i>-</i>	<i>1.685.640.697</i>	<i>34.303.576.701</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.088.299.852	1.394.652.030
Thuế thu nhập cá nhân	146.805.166	20.094.255
Các loại thuế khác	12.136.465	-
<b>Cộng</b>	<b>1.247.241.483</b>	<b>1.414.746.285</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định	16.961.680.681	15.868.582.992
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nam Định	9.150.000.000	8.100.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Nam Định	9.850.000.000	10.850.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	4.400.000.000	4.700.000.000
Cá nhân	15.615.602.228	15.295.004.360
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nam Định	-	3.571.400.000
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định	-	850.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa	-	114.160.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội	72.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>56.049.282.909</b>	<b>59.349.147.352</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng có kỳ hạn từ 5 tháng đến 12 tháng với lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ từ 12% đến 18%/năm đối với VND và 6,5%/năm đối với USD. Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất theo thỏa thuận giữa Công ty và các cá nhân cho vay từ 1,5% đến 2%/tháng. Mục đích khoản vay để huy động vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty được tính lãi bằng tiền VND theo tỷ giá thỏa thuận tại thời điểm vay. Các khoản vay có gốc ngoại tệ trong năm 2010 được ký kết bổ sung phụ lục hợp đồng về việc trả tiền gốc vay theo tiền VND quy đổi theo giá của thị trường tự do tại thời điểm trả tiền gốc vay.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	100.615.455	28.595.136
Bảo hiểm xã hội	276.323.212	243.944.284
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	2.061.976.200	2.061.976.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.963.051	1.315.175.554
<b>Cộng</b>	<b>2.532.992.351</b>	<b>3.649.691.174</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP THEO)**

(\*) Đây là khoản tiền vay của ông Vũ Trọng Hạnh được theo dõi như một khoản nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn vì Công ty đang thuê luật sư để có được xác nhận của ông Hạnh hoặc tòa án về việc bù trừ khoản này với công nợ ông Hạnh nhận ứng trước của Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược số tiền 700 triệu VND nhưng không cung cấp được dịch vụ và giảm trừ công nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Dược Nam Lạng (do ông Hạnh là chủ tịch Hội đồng quản trị) từ Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược do các khoản trả lại hàng mua kém chất lượng của Công ty Cổ phần Dược Nam Lạng.

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn ngân hàng	14.941.605.848	19.363.744.000
<i>Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nam Định (1)</i>	<i>13.887.605.848</i>	<i>17.499.584.000</i>
<i>Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định (2)</i>	<i>900.000.000</i>	<i>1.750.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa</i>	<i>-</i>	<i>114.160.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội (3)</i>	<i>226.000.000</i>	
Vay dài hạn cá nhân (4)	1.080.679.866	1.841.479.866
<b>Cộng số dư vay dài hạn (a)</b>	<b>16.094.285.714</b>	<b>21.205.223.866</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nam Định	-	3.571.400.000
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định	-	850.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa	-	114.160.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội	72.000.000	-
<b>Cộng vay dài hạn đến hạn trả (b)</b>	<b>72.000.000</b>	<b>4.535.560.000</b>
<b>Cộng vay và nợ dài hạn (a-b)</b>	<b>16.022.285.714</b>	<b>16.669.663.866</b>

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng dài hạn bổ sung số 03/2007 ngày 01/06/2007 và phụ lục hợp đồng số 03B/2007/PLHĐ-TD ngày 26/09/2007 được ký giữa Công ty với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nam Định với hạn mức 23,5 tỷ VND để nhập máy móc thiết bị của nước ngoài đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Khoản vay bằng VND với lãi suất 7,8%/năm. Lãi được trả hàng tháng trên số dư nợ thực tế. Theo phụ lục hợp đồng số 03B/2007/PLHĐ-TD ngày 26/09/2007, khoản vay được trả làm 29 lần vào mỗi quý từ quý IV năm 2007, trong đó quý IV năm 2007 phải trả 1.139.383.000 VND; từ quý I đến quý IV năm 2008 phải trả 250 triệu VND mỗi quý; từ quý I đến quý IV năm 2009 phải trả 375 triệu VND mỗi quý; từ quý I năm 2010 đến quý III năm 2014 phải trả 892,85 triệu VND mỗi quý; quý IV năm 2014 trả số còn lại là 535.850.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/07/HĐ ngày 02/02/2007 và các biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng từ năm 2008 đến năm 2010 được ký giữa Công ty với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định với hạn mức 3,4 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất 1,1%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng. Lãi được trả hàng tháng trên số dư nợ thực tế. Theo hợp đồng tín dụng này khoản vay được trả 6 tháng một lần từ năm 2007 đến tháng 1 năm 2010. Theo thông báo số 30/TB-HX ngày 08/01/2009, khoản vay được gia hạn trả nợ thêm 12 tháng, trong đó, ngày 30/06/2011 và ngày 31/12/2011 phải trả 425 triệu VND; ngày 31/01/2012 trả số nợ còn lại của hợp đồng là 50 triệu VND.

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 43510.006 746810 ngày 28/12/2010 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội với số tiền 226.000.000 VND để mua xe tải Hyundai Porter 1,25 tấn. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất 19,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất thả nổi được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý dương lịch sau đó. Kỳ tính lãi hết ngày 25 dương lịch hàng tháng trên số dư nợ thực tế. Theo hợp đồng tín dụng này, khoản vay được trả làm 36 lần mỗi tháng một lần từ tháng 1 năm 2011 đến tháng 12 năm 2013.

(4) Các khoản vay dài hạn cá nhân với thời hạn 3 năm, phát sinh từ năm 2006, chịu lãi suất từ 0%/tháng đến 1,5%/tháng. Đến thời điểm kết thúc hợp đồng vay, nếu người cho vay không có nhu cầu thu hồi nợ gốc thì hợp đồng vay tự động được đáo hạn và người cho vay chỉ cần báo trước 30 ngày với Công ty khi có nhu cầu thu hồi nợ gốc.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm (*)	4.493.400.000
Trong năm thứ hai	3.693.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.826.805.848
Không xác định thời hạn	1.080.679.866
<b>Cộng</b>	<b><u>16.094.285.714</u></b>

(\*) Trong đó vay dài hạn đến hạn trả với số tiền 4.421.400.000 VND chưa được trình bày tại chỉ tiêu “Vay và nợ ngắn hạn” theo các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

**19. LỖ LỬY KẾ**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>
Tại ngày 01 tháng 01	(37.417.825.045)
Lợi nhuận tăng trong năm của 2 công ty con	6.564.275.174
Lỗ trong năm của công ty mẹ	(3.437.692.854)
Điều chỉnh khác	(43.346.358)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>(34.334.589.083)</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃ SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 đồng. Vốn điều lệ đã được các cổ đông của Công ty góp đủ.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
<b>Cổ đông lớn</b>	<b>2.020.850</b>	<b>35,59</b>	<b>1.969.050</b>	<b>34,67</b>
Bà Dương Thị Sáu	1.417.450	24,96	1.365.650	24,04
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	344.000	6,06	344.000	6,06
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm đại diện	259.400	4,57	259.400	4,57
<b>Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>755.900</b>	<b>13,31</b>	<b>755.900</b>	<b>13,31</b>
Ông Nguyễn Văn Giang	322.200	5,67	322.200	5,67
Ông Hoàng Minh Châu	189.500	3,34	189.500	3,34
Ông Lã Xuân Hạnh	139.200	2,45	139.200	2,45
Bà Dương Thị Lan	105.000	1,85	105.000	1,85
<b>Cổ đông khác</b>	<b>2.903.250</b>	<b>51,10</b>	<b>2.955.050</b>	<b>52,02</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.680.000</b>	<b>100</b>	<b>5.680.000</b>	<b>100</b>

**21. DOANH THU**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>94.754.595.578</b>	<b>59.686.530.289</b>
Doanh thu bán hàng hóa	50.298.813.376	-
Doanh thu bán thành phẩm	44.455.782.202	59.686.530.289
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.300.569.219</b>	<b>824.236.343</b>
Chiết khấu thương mại	405.828.906	104.800.594
Hàng bán bị trả lại	894.740.313	719.435.749
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>93.454.026.359</b>	<b>58.862.293.946</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.141.179.773	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	36.100.710.368	46.703.534.912
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	687.641.320	-
<b>Cộng</b>	<b>58.929.531.461</b>	<b>46.703.534.912</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.686.775.890	11.965.326.167
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	167.974.492	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	305.010.190	227.373.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	289.554.912	-
Chi phí tài chính khác	-	214.809.617
<b>Cộng</b>	<b>10.449.315.484</b>	<b>12.407.509.427</b>

**24. LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 bằng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế do kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước của Công ty bị lỗ nên thu nhập chịu thuế năm 2010 sẽ được chuyển lỗ theo quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế năm 2010 được chuyển lỗ được xác định như sau:

	Năm 2010
	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.126.582.320</b>
Cộng lợi nhuận trong hàng hóa tồn kho tại 31/12/2010 mua từ Công ty TNHH MTV Nam Dược	2.159.800.519
Trừ lợi nhuận nội bộ loại trừ trong Báo cáo tài chính năm 2009 đã thực hiện trong năm 2010	(1.513.257.436)
<b>Chênh lệch tạm thời</b>	
Trừ: Chênh lệch đánh giá số dư cuối kỳ của các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ	(195.999.157)
<b>Chênh lệch vĩnh viễn</b>	
Cộng: Tiền phạt hành chính	97.615.604
Cộng: Chi phí khác vượt định mức được trừ	6.014.926.119
Cộng: Lãi vay vượt mức quy định	1.103.964.642
Cộng: Chiết khấu thanh toán không có chứng từ hợp lệ	405.828.906
Cộng: Chi phí không được trừ theo kết quả kiểm tra của cơ quan thuế	42.327.434
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chuyển lỗ</b>	<b>11.230.964.587</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2010
	VND
Chi phí nguyên vật liệu	37.896.841.493
Chi phí nhân công	12.403.368.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.649.136.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.739.680.168
Chi phí khác	9.311.820.608
<b>Cộng</b>	<b>73.000.846.545</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm 2010</b>	
	<b>VND</b>	
<b>Bán hàng cho</b>		
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân		9.003.884.840
<b>Mua hàng của</b>		
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân		10.068.649.925
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	-	793.642.327
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	288.226.771	-
<b>Phải trả cho người bán</b>		
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	244.349.725	-
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Bà Dương Thị Lan	1.350.000.000	550.000.000
Bà Dương Thị Sáu	2.080.000.000	1.100.000.000

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu của kỳ báo cáo trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Báo cáo kiểm toán số 133/2010/UHY - BCKT ngày 05/04/2010 đưa ra:

**Ý kiến ngoại trừ:**

- Không xác nhận các số dư phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán, người mua trả tiền trước và phải trả phải nộp khác tại ngày 31/12/2009 với số tiền lần lượt là 29,7 tỷ VND, hơn 4,5 tỷ VND, 16,1 tỷ VND, 22,2 tỷ VND, 262 triệu VND và 2,5 tỷ VND là số liệu mang sang ngày 01/01/2010;
- Không xác nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược tại ngày 31/12/2009 là số liệu mang sang ngày 01/01/2010;
- không xác nhận khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2009 bao gồm khoản phải thu nội bộ trong Tập đoàn với số tiền 812 triệu VND chưa được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính;
- Không xác nhận giao dịch của một số lô hàng hóa với giá vốn và doanh thu lần lượt là 7,4 tỷ VND và 18,8 tỷ VND;
- không xác nhận số dư hàng tồn kho với số tiền 2 tỷ VND tại ngày 31/12/2009 là số liệu mang sang ngày 01/01/2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ý kiến về vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán:**

- Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng quá hạn phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng tồn đọng từ năm 2007 và 2008 với số dư hơn 28,3 tỷ VND;
- Chỉ tiêu “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2009 là số liệu mang sang ngày 01/01/2010 bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh chưa được kết chuyển vào kết quả kinh doanh của các năm 2007 đến 2009 với số tiền hơn 12 tỷ VND và số dư 2,09 tỷ VND là một khoản tồn thất, không có khả năng thu hồi vì không phân tích được nội dung và đối tượng;
- Số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2009 là số liệu mang sang ngày 01/01/2010 bao gồm chi phí quảng cáo được phân bổ trong 3 năm thay vì hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 với số tiền 2.973.817.679 VND và chi phí liên quan đến số sản phẩm hủy từ năm 2008 do hết hạn sử dụng chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 với số tiền 764 triệu VND.

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện hành.

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011*

**Tổng Giám đốc**

**Trần Thị Anh Đức**

**Hoàng Minh Châu**